

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2026/HC-PT
Ngày: 20-5-2026
V/v “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tôn**

Các thẩm phán: Ông **Đinh Phước Hòa**

Ông **Phùng Anh Dũng**

- Thư ký phiên tòa: ông **Phạm Văn Phong** – Thẩm tra viên Tòa Phúc thẩm
Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia
phiên tòa:** Ông **Lê Văn Thành** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa Phúc thẩm Tòa
án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với Điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân
dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số 30/2026/TLPT-HC ngày 22 tháng 01 năm 2026 về “*Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2025/HC-
ST ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

- Người khởi kiện: ông Võ Văn H, sinh năm 1960; Địa chỉ: thôn B, xã A, tỉnh
Quảng Ngãi, có mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn H: Ông Mai Duy P, sinh năm
1984, ông Mai Quốc V, sinh năm 1994; địa chỉ: H N, phường H, thành phố Đà Nẵng,
có mặt

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh
Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu V1, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xử vắng mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: UBND xã A, tỉnh Quảng Ngãi

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị Thu V1, Phó Chủ tịch UBND xã, có đơn xin xử vắng mặt

+ Ông Võ Văn Q. Địa chỉ: số B đường B, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt

+ Bà Võ Thị P1, sinh năm 1930; vắng mặt

+ Bà Võ Thị T1, sinh năm 1938; vắng mặt

+ Bà Võ Thị Lệ T2 (T3), sinh năm 1939; có mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

- Ông Võ Hữu V2, sinh năm: 1937 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Hữu V2:

+ Bà Nguyễn Thị T4; vắng mặt

+ Anh Võ Văn V3; vắng mặt

+ Chị Võ Thị Thùy T5; vắng mặt

+ Chị Võ Thị Thúy K; vắng mặt

+ Chị Võ Thị Thúy P2; vắng mặt

+ Anh Võ Văn Bảo Q1; vắng mặt

Cùng địa chỉ: thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Võ Thị Bạch T6, sinh năm 1947; Địa chỉ: thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

+ Bà Võ Thị Hồng H1, sinh năm 1951; Địa chỉ: thôn E, xã A, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

+ Ông Võ Hữu P3, sinh năm 1954; Địa chỉ: số F Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt

- Ông Võ T7 (chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ T7:

+ Bà Võ Thị Sương T8, sinh năm 1954; Địa chỉ: số A L, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

+ Bà Võ Thị L, sinh năm 1960; Địa chỉ: F P, Tổ dân phố C, xã T, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

+ Bà Võ Thị Kim A, sinh năm 1961; Địa chỉ: hẻm S, đường C, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

+ Ông Võ Văn T9, sinh năm 1967; Địa chỉ: tổ dân phố A, phường P, tỉnh Gia Lai, vắng mặt

- Ông Võ Văn L1 (chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Võ Văn L1:

+ Bà Trần Thị Kim L2, sinh năm 1954; vắng mặt

+ Ông Võ Văn L3, sinh năm 1979; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Võ Thị Mỹ L4, sinh năm 1977; Địa chỉ: A B, phường H, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt

- Bà Văn Thị N, sinh năm 1956; Địa chỉ: A H, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

- Ông Võ Văn H2, sinh năm 1963; Địa chỉ: số A đường V, phường T, thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt

- Bà Võ Thị Hồng C, sinh năm 1965; Địa chỉ: thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

- Bà Võ Thị Cẩm N1, sinh năm 1967; Địa chỉ: số A N, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

- Ông Võ Văn Gia L5, sinh năm 1970; Địa chỉ: thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

- Bà Võ Thị Giáng H3, sinh năm 1974; Địa chỉ: số F Q, phường C, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

- Bà Võ Thị Bích H4, sinh năm 1980; Địa chỉ: số F L, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt

Người kháng cáo: người khởi kiện ông Võ Văn H

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung bản án sơ thẩm ông Võ Văn H trình bày:

Năm 1953 cha ông là ông Võ K1 và bác ông là ông Võ Tư C1 mua chung một mảnh vườn của vợ chồng ông Đặng M và bà Bùi Thị T10 số hiệu cũ 1719 tại thôn B, xã N nay là thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi; mảnh vườn trên được chia đều cho cha ông và bác ông mỗi người một nửa. Năm 1960 cha ông xây nhà trên mảnh vườn trên

đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1962, bác ông là ông Võ T7 vào Thành phố Hồ Chí Minh lập nghiệp thì giao lại mảnh vườn trên cho cha ông quản lý. Năm 1968, bác ông hi sinh thì quyền thừa kế mảnh đất thuộc về hai gia đình ông, nhưng thời gian chiến tranh con cháu mỗi người một nơi không thể tập trung để làm sổ hữu nhà đất nên chưa có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ trước đến nay mảnh đất trên không có tranh chấp. Năm 1993, ông nội ông là Võ T11 đứng tên kê khai theo Chỉ thị 299/TTg nhưng cũng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2016, khi có dự án Khu dân cư D - thành phố Q (đợt 4) thì mảnh đất số hiệu cũ 1719 tại thôn B, xã N nay là thôn B, xã A, tỉnh Quảng Ngãi được công ty cổ phần T14 biên tập thành thửa đất số 195, tờ bản đồ khu đất số 01 địa chỉ: xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Dự án đường L có dự kiến thu hồi một phần đất trên, gia đình ông có làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã N và Ban Q2 tất cả thành viên trong dòng họ để làm việc và hòa giải nhưng không thành. UBND xã N khẳng định mảnh đất số hiệu cũ 1719 ông nội ông là ông Võ T11 đứng tên khai 299/TTg theo Điều 100 Luật Đất đai là đất của ông nội ông.

Vào ngày 12/3/2022, Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Q tiến hành chôn cột mốc trên phần đất của hai gia đình ông, ông ngăn cản không cho chôn cột mốc thì Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Q có đưa cho ông 02 Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 và Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thành phố Q. Việc UBND thành phố Q ban hành 02 quyết định trên cả hai gia đình ông đều không hay biết gì. Sau đó ông có đơn gửi đến các cấp yêu cầu giải quyết nhưng không có kết quả.

Ngày 20/6/2022, ông làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu hủy Quyết định số 9427/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 và Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q vì đất này không phải là đất của ông nội ông (V) nhưng UBND thành phố Q lại ban hành quyết định thu hồi 2,8m² và đền bù cho ông Võ Văn Q (là cháu nội Võ T11) là không đúng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của hai gia đình ông.

Ông cũng liên hệ đến UBND thành phố Q yêu cầu được cung cấp 02 Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 11/11/2018 và Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Q nhưng bên phía UBND trả lời rằng ông không liên quan gì đến hai quyết định trên nên không cho sao y; còn về giấy mua bán đất giữa cha ông ông Võ K1, bác ông là ông Võ T7 và vợ chồng ông Đặng M, bà Bùi Thị T10 vì thời gian quá lâu có một số chữ bị mối ăn nên ông không thể công chứng được.

Nay, ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Võ T11 (chết) – Người đại diện Võ Văn Q đang sử dụng thuộc xã N để xây dựng dự án: Khu dân cư D, thành phố Q (đợt 4).

- Hủy Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ T11 (chết) cháu nội Võ Văn Q (người đại diện); thôn B, xã N thuộc dự án Khu dân cư D, thành phố Q kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu dân cư dọc đường L (phương án chi tiết đợt 4).

Tại Văn bản số 4676/UBND-NC ngày 17/12/2022, số 1866/UBND-NC ngày 29/5/2023, số 2205/UBND-NC ngày 20/6/2023, số 3827/UBND-NC ngày 11/10/2023; người bị kiện UBND thành phố Q (cũ) trình bày:

Dự án Khu dân cư dọc đường L được UBND thành phố giao cho Ban Q (gọi là Ban quản lý dự án Đầu tư xây dựng và Phát triển quỹ đất thành phố) kiểm kê, lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, trong đó có trường hợp của hộ ông Võ T11 (chết), cháu nội Võ Văn Q (người đại diện), cụ thể:

Hộ ông Võ T11 đang sử dụng thửa đất số 195, tờ bản đồ số 1 do Công ty cổ phần T14 đo vẽ năm 2017 với diện tích 2.113,20m², diện tích thu hồi trong quy hoạch 2,8m², diện tích còn lại 2.110,4m², loại đất ONT. Đối chiếu qua bản đồ năm 1993 là thửa đất số 116, tờ bản đồ số 3, diện tích 4.16m², loại đất: T. Qua kiểm kê, khảo sát, Ban Q đã xác lập thủ tục, tham mưu UBND thành phố thu hồi 2,8m² và bồi thường phần diện tích trên cho hộ ông Võ T11 (chết), người đại diện: Võ Văn Q, với giá trị: 14.932.000 đồng (trong đó: bồi thường, hỗ trợ về đất: 3.449.600 đồng, bồi thường cây cối hoa màu: 1.380.000 đồng; các khoản hỗ trợ: 10.102.400 đồng).

Qua kiểm tra, rà soát việc UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 về việc thu hồi đất và Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 về việc bồi thường hỗ trợ cho hộ ông Võ T11 (chết) – cháu nội Võ Văn Q (người đại diện) là đảm bảo theo quy định.

Tại văn bản số 02/UBND ngày 04/01/2023, số 126/UBND ngày 08/5/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã N (cũ) trình bày:

Hồ sơ địa chính: Thửa đất số 195, tờ bản đồ địa chính khu đất số 01, xã N, diện tích: 2113,2m², loại đất: ONT do Công ty Cổ phần T14 đo vẽ, lập năm 2016 để thực hiện dự án Khu dân cư D.

Đối chiếu bản đồ năm 1993 thuộc một phần diện tích thửa đất số 116, tờ bản đồ số 03, xã N, đo vẽ năm 1993, diện tích 4.191m², loại đất T12

Tương ứng qua bản đồ đo vẽ năm 1983 thuộc một phần thửa đất số 685, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.160m², loại đất T.

Theo Sổ mục kê đất: thửa số 685, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.160m², loại đất T, quyền I, ghi tên chủ sử dụng Võ Tứ.

Theo Sổ đăng ký ruộng đất (5b) lập theo Chỉ thị 299/CT-TTg năm 1980 của Thủ tướng Chính phủ: Thửa đất số 685, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.160m², loại đất: T, trang 44, quyển số 02, số thứ tự 186 do chủ sử dụng đất ông Võ T11 + Nguyệt + L6 + Vị + Tim + Thiệp + Lưu + Hội.

Nguồn gốc và quá trình sử dụng:

Theo biểu mẫu số 02, bảng Kết quả xác minh, lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất lập ngày 12/6/2018 thì nguồn gốc, quá trình sử dụng đất như sau:

Nguyên thửa đất này của vợ chồng ông Võ T11, bà Trần Thị M1 sử dụng làm vườn nhà ở từ trước năm 1945. Quá trình sử dụng, ông Võ T11 và bà Trần Thị M1 có cho đất các con và em họ là ông Võ H5 làm nhà ở từ trước ngày thống nhất 30/4/1975; sau ngày thống nhất 30/4/1945, thực hiện chủ trương kê khai đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, các chủ sử dụng đất kê khai theo hiện trạng sử dụng và đã được Hội đồng kê khai đăng ký ruộng đất xã N (*chưa chia tách thành hai xã như hiện nay*) thống nhất xét duyệt, phản ánh như thể hiện tại trang 44, quyển số 02, Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b), số thứ tự 186 thể hiện cụ thể chủ sử dụng đất ông Võ T11 + N (con bà P1) + L6 (chồng bà H6) + Vị + T3 (tên gọi khác của bà T2) + Lưu + Hội (chồng bà B) đứng tên kê khai đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg thuộc thửa đất số 685, tờ bản đồ số 02, diện tích 4.160m², loại đất T.

Ngày 22/9/1998, ông Võ Tứ L7 “*di chúc chia đất vườn cho các con*” đã được UBND xã N xác nhận ngày 23/9/1998. Nội dung thể hiện việc đã trích cho theo hiện trạng đang ở, cụ thể: Võ Thị P1 (đo đạc hiện trạng với diện tích 200,1m²); Nguyễn Thị Bạch H6 (đo đạc hiện trạng với diện tích 164,8m²); Võ Hữu V2 (đo đạc hiện trạng với diện tích 238,3m²); Võ Thị T1 (đo đạc hiện trạng với diện tích 181,4m²); Võ Thị Lệ T2 (đo đạc hiện trạng với diện tích 171,2m²); Võ Văn L1 (đo đạc hiện trạng với diện tích 966,6m²). Khoảng sau nhà ông Võ T11 đang ở từ Đông đến Tây 30m, từ Bắc vào N 40m cho V4, T1, T2, Võ Văn Q (*thứ đích*) mỗi thửa 7,5m từ Đ1 đến Tây còn vị trí thỏa thuận với nhau; trích xuất cho Võ Thị Bạch T6 (đo đạc hiện trạng với diện tích 70m²). Năm 2008, ông Võ T11 (*chết*); các con, cháu Võ Hữu V2; Võ Thị T1; Võ Thị Lệ T2; Võ Văn Q (người đại diện kê khai) tiếp tục sử dụng ổn định từ đó đến nay.

Việc phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất thửa đất 195 và yêu cầu UBND xã hòa giải: Tại thời điểm thực hiện kê khai, lập phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư dự án Khu dân cư dọc đường L thì thửa đất 195 không có phát sinh tranh chấp về quyền sử dụng đất, vì vậy UBND xã không có cơ sở thực hiện hòa giải tranh chấp đất đai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị L, bà Võ Thị Sương T8 trình bày tại bản khai ngày 20/5/2024:

Thửa đất 685 (UBND thành phố Q thu hồi ghi thửa 195) là của cha bà Võ T7 và chú là Võ K1, hai người mua lại của ông Đặng M, bà Bùi Thị P4. UBND thành phố Q ban hành hai quyết định thu hồi, bồi thường nêu trên gia đình bà không biết, nay biết bà không đồng ý, bà thống nhất như ý kiến ông Võ Văn H khởi kiện.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hữu P3 trình bày tại bản khai ngày 18/5/2024:

Nguồn gốc thửa đất 195 là của cha ông (ông Võ T11 đã chết) kê khai. Thửa đất trên cha ông đã đăng ký theo Chỉ thị 299/TTg, cha ông Võ Văn H không đăng ký. Nay ông Võ Văn H khởi kiện, ông đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xem xét theo đúng quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Võ Thị Bạch T6, bà Võ Thị Hồng H1 trình bày tại bản khai ngày 23/5/2024:

Cha mẹ các bà có mua một mảnh đất. Mua đất về cha mẹ cho chú năm là ông Võ T13 (ông Năm K2) ba sào đất. Cha mẹ các bà đào giếng, canh tác trên mảnh đất đã mua, trồng cây ăn trái. Lúc các con trưởng thành, cha mẹ cho anh năm là ông Võ K1 diện tích 768m² đất làm nhà ở riêng và các con ở riêng.

Năm 1975, cha mẹ các bà làm nhà ở riêng trên mảnh đất đã mua, sau này nhà cha mẹ làm sử dụng làm nhà thờ, phần đất còn lại cha các bà viết di chúc mỗi người con, cháu một phần.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2025/HC- ST ngày 05/12/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, Điều 59, khoản 1 Điều 115, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; các Điều 62, 63, 66, 67, 68, 69, 75, 79 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ; tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Q; Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q về việc ban hành Quy định mật độ và đơn giá cây trồng để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất áp dụng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Q; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 của UBND thành phố Q về việc thu hồi đất của hộ ông Võ T11 (chết) – Người đại diện Võ Văn Q đang sử dụng thuộc xã N để xây dựng dự án: Khu dân cư D, thành phố Q (đợt 4).

- Hủy Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thành phố Q về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Võ T11 (chết) – cháu nội Võ Văn Q (người đại diện); thôn B, xã N thuộc dự án Khu dân cư D, thành phố Q kèm theo bảng kê chi tiết giá trị bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án: Khu dân cư dọc đường L (phương án chi tiết đợt 4).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 19/12/2025, người khởi kiện ông Võ Văn H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc đất là của vợ chồng ông Võ T11, bà Trần Thị M1 sử dụng làm vườn nhà ở từ trước năm 1945 là không đúng, vì thửa đất này do cha tôi Võ K1 bà và bác ruột Võ Tư nhận chuyển nhượng năm 1953. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của tôi, hủy các quyết định hành chính số 9417/QĐ-UBND ngày 14/8/2018; quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 của UBND thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa án sơ thẩm.

Đại Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, về trình tự, thủ tục giải quyết Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

[1] Về nội dung kháng cáo: Ông Võ Văn H cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc thửa đất là của ông Võ T11 là không đúng, thửa đất có nguồn gốc do cha ông là Võ K1 và bác là Võ Tư nhận chuyển nhượng từ năm 1953 nhưng không cung cấp tài liệu liệu gì mới. HĐXX cấp phúc thẩm, xét thấy:

[2.] Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ (bản đồ đo vẽ năm 1983,

năm 1993; sổ mục kê đất; sổ đăng ký ruộng đất theo Chỉ thị 299/TTg), thửa đất tranh chấp do ông Võ T11 đứng tên kê khai, đăng ký; Việc kê khai này đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận và được quản lý ổn định theo quy định của pháp luật; Quá trình sử dụng đất thể hiện ông Võ T11 và các con, cháu sử dụng liên tục, ổn định, có việc phân chia đất và lập di chúc năm 1998; Tại thời điểm thực hiện thu hồi đất từ 2018 để thực hiện dự án, thửa đất không có tranh chấp. Kèm theo hồ sơ ông Võ Văn H cung cấp tài liệu về việc nhận chuyển nhượng đất từ năm 1953 nhưng tài liệu không còn nguyên vẹn, không được công chứng, chứng thực và không có tài liệu gì thể hiện việc kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đứng tên cha hoặc bác của ông; Không chứng minh được quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, liên tục đối với diện tích đất bị thu hồi. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông Võ T11 là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

[3] Về tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị kiện: Căn cứ hồ sơ thể hiện. Cơ quan có thẩm quyền đã tiến hành kiểm kê, xác định hiện trạng sử dụng đất; Xác định người sử dụng đất là hộ ông Võ T11 (đã chết), người đại diện là ông Võ Văn Q; Thực hiện việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việc UBND thành phố Q ban hành Quyết định số 9417/QĐ-UBND ngày 14/11/2018 và Quyết định số 9501/QĐ-UBND ngày 20/11/2018 là đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ xác định các quyết định hành chính bị kiện là trái pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, ông Võ Văn H không cung cấp thêm được tài liệu, chứng cứ mới có giá trị chứng minh làm thay đổi nội dung vụ án so với cấp sơ thẩm. Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị giữ y án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Võ Văn H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông H là người cao tuổi nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng Hành chính; Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Về án phí: Ông Võ Văn H được miễn án phí hành chính phúc thẩm

Những quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao – Vụ 3;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tồn